TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-ST.
Ngày: 13-6-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương.

Ông Huỳnh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ch Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1947, địa chỉ: Số nhà 23/8, ấp T, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà B: Bà Vi Thị Th, sinh năm 1967, địa chỉ: Số nhà 23/8, ấp T, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 01 năm 2023). (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1981. (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Kim Ch, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 182/1, ấp Th, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị B trình bày trong đơn khởi kiện và bà Vi Thị Thảo là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 15/5/2021, vợ chồng bà Ch và ông Tr có vay của bà B số tiền là 150.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng, mục đích vay để bà Ch và ông Tr làm vốn mua bán thanh long. Bà Ch có ký xác nhận trong giấy mượn tiền ngày 15/5/2021, ông Tr có mặt, ông Tr biết việc bà Ch vay tiền của bà B nhưng ông Tr không có ký tên vào giấy mượn tiền, chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Đức Tr là do bà Ch viết và ký tên.

Sau khi vay tiền đến nay, mặc dù đã hết thời hạn vay, bà B đã đòi nhiều lần nhưng bà Ch và ông Tr không thực hiện đúng như nội dung đã thoả thuận với bà B, bà Ch và ông Tr không trả lãi và vốn cho bà B.

Nay bà B yêu cầu bà Ch và ông Tr liên đới trả cho bà B số tiền vay là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 30.750.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 15/5/2021 đến ngày 31/01/2023 là 20 tháng 15 ngày với mức lãi suất 1%/tháng). Tổng cộng tiền vốn vay và lãi là 180.750.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Tr và bà Trần Thị Kim Ch không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 30.750.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 15/5/2021 đến ngày 31/01/2023 là 20 tháng 15 ngày với mức lãi suất 1%/tháng). Tổng cộng tiền vốn vay và lãi là 180.750.000 đồng. Bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn cung cấp được chứng cứ là giấy ghi nhận việc vay tiền do bà Ch viết và ký tên, để chứng minh là bị đơn có vay tiền và còn nợ tiền vay như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 288, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 30.750.000 đồng. Bị đơn còn phải chịu tiền lãi nếu như chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 288, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi của bà Huỳnh Thị B, buộc ông Nguyễn Đức Tr và bà Trần Thị Kim Ch có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 30.750.000 đồng (Ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ (không tính lãi trên tiền lãi) theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền vay chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức Tr và bà Trần Thị Kim Ch phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 9.037.500 đồng (chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Cơ quan thi hành án huyện Ch Thành;
-Các đương sự;
-Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng